

## Ý THỨC QUỐC GIA - DÂN TỘC QUA NHẬN THỨC VỀ LÃNH THỔ VIỆT NAM CỦA MỘT SỐ TỘC NGƯỜI VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH HÀ GIANG<sup>1</sup>

**TS. Nguyễn Thị Thanh Bình**  
**Viện Dân tộc học**  
**Email: nungathao@gmail.com**

**Tóm tắt:** Dựa trên tư liệu nghiên cứu thực địa năm 2021 và 2022, bài viết góp phần làm rõ ý thức quốc gia - dân tộc thể hiện qua nhận thức về lãnh thổ quốc gia của các tộc người Hmông, Tày, Nùng, Lô Lô ở 4 xã giáp biên thuộc tỉnh Hà Giang hiện nay là Lao Chải và Thanh Thủy của huyện Vị Xuyên, Lũng Cú của huyện Đông Văn, Phú Lũng của huyện Yên Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa phần người dân có nhận thức nhất định về lãnh thổ biên giới nơi địa phương họ sinh sống và lãnh thổ quốc gia, đặc điểm dân cư, dân tộc của Việt Nam. Nhận thức này đang ngày càng được nâng cao nhờ sự phát triển của hệ thống giáo dục, truyền thông ở địa phương và sự tăng cường giao lưu tiếp xúc giữa các tộc người vùng biên với cư dân của các tỉnh thành trong cả nước cũng như chính sách quản lý biên giới của Việt Nam và Trung Quốc.

**Từ khóa:** Ý thức quốc gia, nhận thức, biên giới, Hà Giang, Hmông, Tày, Nùng, Lô Lô.

**Abstract:** Using fieldwork data from 2021 and 2022, the article contributes to clarifying the national consciousness reflected through the perception of the national territory of the ethnic groups Hmong, Tay, Nung, and Lo Lo in four border communes of Ha Giang province today, which are Lao Chai and Thanh Thuy communes of Vi Xuyen district, Lung Cu commune of Dong Van district, and Phu Lung commune of Yen Minh district. The research results show that most people have a certain awareness of the territorial border of the locality where they live, the territory of the country, and the characteristics of the population and ethnicities of Vietnam. This awareness has increasingly been raised thanks to the development of the local education and communication systems, the increasing exchange between ethnic groups in the border areas and residents of other provinces in the country, and the border management policies of Vietnam and China.

**Keywords:** National consciousness, perception, borders, Ha Giang, Hmong, Tay, Nung, Lo Lo.

Ngày nhận bài: 18/4/2022; ngày gửi phản biện: 6/5/2022 ; ngày duyệt đăng: 12/6/2022.

---

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Ý thức quốc gia - dân tộc của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Thị Thanh Bình làm chủ nhiệm trong năm 2021 và 2022.

## Mở đầu

Ý thức quốc gia - dân tộc là sự chia sẻ của các công dân gồm nhiều tộc người hay nhóm xã hội khác nhau trong một quốc gia - dân tộc về nhận thức, tình cảm, trách nhiệm đối với lãnh thổ và bản sắc văn hóa chung (Vương Xuân Tình, Lê Minh Anh, 2021). Trong quá trình xây dựng quốc gia - dân tộc, các nhà nước đều chú ý kiến tạo ý thức quốc gia - dân tộc cho cộng đồng cư dân mà họ quản trị. Ý thức này có thể được kế thừa từ các yếu tố của lịch sử, song nhìn chung không phải tự nhiên được bồi đắp.

Đặc điểm nổi bật của nhiều vùng biên ở châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng là địa hình thường là vùng núi cao, khá biệt lập với các vùng thấp, là nơi sinh sống của nhiều tộc người thiểu số. Bởi vậy, James Scott (2009) từng quan niệm vùng miền núi rộng lớn trải dài từ phía Đông của Ấn Độ đến tận Tây Nguyên của Việt Nam trước năm 1945 là “khu vực Zomia” và cho rằng cư dân vùng này có truyền thống “vô chính phủ”, bất tuân sự cai trị của các nhà nước ở vùng thấp và bảo vệ quyền của họ bằng tự quản trị. Đây được xem như môi trường tốt để cư dân địa phương trốn tránh - thậm chí cho cả những người ở đồng bằng bị trấn áp, không chịu sự cai trị của nhà nước ở vùng thấp và sẵn sàng nổi loạn chống lại nếu xâm phạm đến lợi ích và tự do của họ. Quan điểm này vấp phải nhiều ý kiến trái chiều và chưa đạt được sự đồng thuận hoàn toàn trong giới học thuật. Tuy nhiên, có một thực tế là khu vực này thường xa trung tâm quyền lực, nhà nước trung ương khó kiểm soát và dễ bùng nổ xung đột với các nước láng giềng. Nơi đây thường có những tộc người “vắt ngang” đường biên, thuộc về công dân của hai quốc gia. Bởi vậy, lòng trung thành của họ với quốc gia - dân tộc mà họ thuộc về luôn là vấn đề mà các nhà nước phải quan tâm; trong xây dựng ý thức quốc gia - dân tộc, các nhà nước luôn chú trọng đến những tộc người ở vùng biên.

Khi xem xét về ý thức quốc gia, từ góc độ tâm lý học, Vũ Dũng (2009) cho rằng: “Ý thức quốc gia là ý thức về đất nước mình và được thể hiện rõ nhất qua tình yêu đất nước, lòng tự hào đất nước và tinh thần sẵn sàng hy sinh khi đất nước đứng trước các nguy cơ đe dọa”. Còn từ quan điểm tâm lý học tộc người, Lý Hành Sơn (2019) cho rằng nhận thức về quốc gia có thể hiểu là tri thức về đất nước, về lãnh thổ quốc gia cùng các yếu tố tự nhiên và xã hội ở trong lãnh thổ đó, về các di tích và di sản văn hóa cùng các anh hùng tiêu biểu, nhất là lãnh tụ của đất nước..., kể cả những tri thức mang tính bản sắc tiêu biểu của một số tộc người cùng sinh sống trong quốc gia ấy. Tác giả cho rằng, ý thức quốc gia rất rộng lớn, gồm nhiều yếu tố, nhiều lĩnh vực, nhiều cấp độ, nhiều chiều cạnh, trong đó có ý thức các tộc người sinh sống trong quốc gia ấy. Để xác định ý thức của người dân hay cộng đồng có nhiều phương pháp và nội dung, trong bài viết này chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu về một yếu tố trong ý thức quốc gia, đó là ý thức về lãnh thổ cùng các đặc điểm tự nhiên, xã hội, văn hóa, nguồn lực của quốc gia của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc tỉnh Hà Giang.

### 1. Phương pháp và địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 11/2021 và tháng 1/2022 đối với 4 nhóm tộc người tại 4 xã thuộc 3 huyện của tỉnh Hà Giang: người Hmông ở xã Lao Chải, huyện Vị

Xuyên và xã Phú Lũng, huyện Yên Minh; người Tày và người Nùng ở xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên; người Lô Lô ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn. Đây là 4 trong số 18 dân tộc sinh sống tại Hà Giang, trong đó người Hmông, Tày, Nùng đại diện cho các dân tộc có dân số đông (trên 9%), người Lô Lô đại diện cho nhóm các dân tộc có dân số ít của Hà Giang. Cả 4 tộc người đều có đồng tộc cư trú ở phía bên kia biên giới từ lâu đời nay.

Các xã được nghiên cứu là 4 trong tổng số 32 xã/thị trấn khu vực biên giới của tỉnh Hà Giang. Các tộc người đã cư trú trên những địa bàn này ít nhất trên 100 năm. Từ năm 1945, hệ thống chính quyền cách mạng đã được hình thành và dần hoàn chỉnh như ngày nay tại địa phương. Đồng bào đây, đặc biệt các xã Thanh Thủy, Lao Chải của huyện Vị Xuyên và xã Phú Lũng của huyện Yên Minh đã phải trải qua cuộc chiến tranh biên giới ác liệt do Trung Quốc gây ra trong thời kỳ 1979-1989, và bắt đầu khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế - xã hội từ những năm 1990 đến nay. Giống như các địa phương khác trong vùng, kể từ năm 1991 với chính sách tái thông thương biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cùng các chính sách đầu tư của Đảng và Nhà nước cho vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, diện mạo đời sống kinh tế - xã hội của người dân các địa bàn nghiên cứu ngày càng thay đổi theo hướng phát triển hơn: Các xã đều có đường ô tô trải nhựa hoặc bê tông về đến trung tâm xã, thậm chí đến nhiều thôn bản; Mỗi xã đều có hệ thống trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được đầu tư tương đối đầy đủ cơ sở vật chất và tỷ lệ học sinh đến trường ngày càng cao; Hệ thống thông tin, truyền thông cũng được bao phủ toàn bộ các thôn bản. Tuy nhiên, do điều kiện địa hình khó khăn, các nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, sinh kế của đồng bào chủ yếu vẫn là nông nghiệp nên đời sống của người dân nơi đây còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo ở người Tày xã Thanh Thủy là 14%, người Nùng xã Thanh Thủy là 33%, người Hmông ở Lao Chải là 35%, người Hmông ở xã Phú Lũng là 33,33%, người Lô Lô ở xã Lũng Cú là 16%. Trong khi đó, ở bên kia biên giới, các cư dân địa phương có điều kiện cơ sở hạ tầng phát triển hơn, đời sống kinh tế cao hơn. Đây chính là bối cảnh lịch sử, chính trị, kinh tế và xã hội khi tìm hiểu về ý thức quốc gia – dân tộc của các tộc người tại địa bàn nghiên cứu.

Nghiên cứu đã tiến hành cả phương pháp định lượng và định tính. Khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện với tổng số 339 phiếu điều tra ở 4 dân tộc với số lượng cụ thể như sau: người Hmông 126 phiếu (trong đó người Hmông ở xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên 79 phiếu và người Hmông ở xã Phú Lũng, huyện Yên Minh 47 phiếu), người Tày và người Nùng ở xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên lần lượt là 81 và 60 phiếu, người Lô Lô ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn 72 phiếu. Đối tượng khảo sát bằng hỏi là các cư dân địa phương từ 18 tuổi trở lên, được lựa chọn ngẫu nhiên và các câu hỏi tập trung liên quan đến các thành tố trong ý thức quốc gia - dân tộc, trong đó có yếu tố nhận thức về lãnh thổ quốc gia. Nhóm nghiên cứu cũng thực hiện 50 cuộc phỏng vấn sâu và 5 thảo luận nhóm ở các cộng đồng với nội dung xoay quanh đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và ý thức quốc gia - dân tộc của đồng bào.

Ngoài ra, các báo cáo kinh tế - xã hội của địa phương, các số liệu thống kê của các cấp tỉnh, huyện, xã cũng đã được thu thập phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.

## 2. Nhận thức chung về lãnh thổ quốc gia Việt Nam

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt nhất định giữa các thế hệ về nhận thức liên quan đến lãnh thổ quốc gia. Đối với những người sinh ra từ những năm 1960 trở về trước, họ dường như chưa biết rõ một số khía cạnh quan trọng của lãnh thổ Việt Nam, nhưng lại nắm vững về lãnh thổ biên giới quốc gia nơi họ đang sinh sống do từng trải qua cuộc chiến bảo vệ biên giới phía Bắc nước ta. Khi được hỏi, đa số họ chỉ biết lãnh thổ Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc, nhưng nếu hỏi thêm nước ta có những tỉnh hay thành phố nào, biển Đông có những hòn đảo thuộc Việt Nam hay nước ta có những tài nguyên quý báu nào, như lâm sản, khoáng sản, thủy hải sản... thì họ không biết. Chỉ có một số ít người lớn tuổi từng làm cán bộ thôn hoặc lãnh đạo xã mới có sự hiểu biết cụ thể hơn về lãnh thổ Việt Nam. Theo ý kiến của một số người lớn tuổi này, chẳng hạn như các ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1957, người Tày ở thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy; Lục Xuân V, sinh năm 1968, người Nùng ở thôn Nà Sát cùng xã Thanh Thủy; Vàng Dì Ch, sinh năm 1947, người Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú; Thào Sông S, sinh năm 1968, người Hmông ở thôn Sùng Lìn, xã Phú Lũng..., nước ta có tên đầy đủ là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thủ đô là Hà Nội; có vị trí địa lý lãnh thổ phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp hai nước Lào và Campuchia, phía Đông nước ta có biển Đông rộng lớn, phía cực Nam cũng là biển rộng... Thậm chí, khi hỏi về diện tích đất đai nước ta rộng lớn bao nhiêu và giàu tài nguyên không? Ông Nguyễn Văn L cũng như ông Vàng Dì Ch còn nói rằng, nhìn trên bản đồ thấy Việt Nam có hình chữ S, mặc dù tổng diện tích đất đai của nước ta chỉ rộng hơn 300.000km<sup>2</sup> nhưng có rất nhiều con sông lớn như sông Hồng, sông Cửu Long, sông Đà, sông Lô, sông Bắc Mê... có thể nuôi cá, làm thủy điện; có nhiều khoáng sản quý như mỏ than ở tỉnh Quảng Ninh và Thái Nguyên, mỏ thiếc ở Tĩnh Túc - Cao Bằng, mỏ apatit ở tỉnh Lào Cai; nhiều rừng có giá trị về lâm thổ sản;...

Qua khảo sát cho thấy, hầu hết những người đã từng đảm nhiệm vai trò cán bộ xã hoặc cán bộ thôn trước đây thường được bồi dưỡng kiến thức về đất nước và con người Việt Nam. Bên cạnh đó, ở thời kỳ hợp tác xã nông nghiệp, không ít người làm chủ nhiệm hợp tác xã hay lãnh đạo xã còn được đi thăm quan một số nơi trong tỉnh Hà Tuyên<sup>2</sup> và các tỉnh thành khác để học tập kinh nghiệm quản lý, chứng kiến những mô hình mới trong phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp và chăn nuôi. Do đó, trong nhận thức về lãnh thổ quốc gia Việt Nam, họ có tầm nhìn khá cụ thể và rộng hơn so với những người dân khác ở quê nhà làm ruộng nương, chỉ có thể tìm hiểu về quốc gia Việt Nam thông qua các phương tiện thông tin truyền thông như đài, báo, tivi hoặc nghe người khác kể lại.

Riêng người dân được phỏng vấn, bất kể tộc người Hmông, Tày, Nùng hay Lô Lô, được sinh ra trong các thập niên 1980-1990, do có trình độ học vấn khá cao (nếu thấp nhất

<sup>2</sup> Tỉnh Hà Tuyên được thành lập năm 1976 trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Năm 1991, tỉnh này được chia lại và tái thành lập hai tỉnh có tên như cũ.

cũng đã tốt nghiệp cấp tiểu học, nhiều người đã học hết trung học cơ sở và trung học phổ thông) nên mức độ nhận thức về lãnh thổ quốc gia Việt Nam của họ được mở rộng hơn. Phân tích tư liệu phỏng vấn và thảo luận nhóm với những người từ 18 - 40 tuổi cho thấy, phần lớn họ đều biết rõ về vị trí nước Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương, tiếp giáp với ba nước là Trung Quốc, Lào và Campuchia, trong đó địa bàn sinh sống của họ giáp biên với Trung Quốc,... Tuy nhiên, khi hỏi về tổng diện tích đất đai của cả nước cùng với những sông ngòi lớn và các vùng miền của Việt Nam thì chỉ một số ít người trong số đó nói rằng tổng diện tích đất tự nhiên của nước ta rộng trên 300.000km<sup>2</sup>. Tuy nhiên, rất nhiều người lại kể ra được một số con sông lớn cũng như hầu hết các thành phố trực thuộc Trung ương và các vùng miền của đất nước ta là: miền Bắc, miền Nam, Bắc Bộ, Nam Bộ, Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên,... Anh Lý Seo X, sinh năm 1982, người Hmông ở thôn Lùng Chu Phùng, xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên cho biết: *“Vị trí địa lý và đất đai, sông ngòi, vùng, miền của nước Việt Nam thì chúng em biết được khi học môn địa lý ở lớp 5 và lớp 6, còn hiện nay thì chủ yếu xem tivi qua chương trình thời sự trong nước, gần đây do có vài người trong thôn đi làm thuê tận Bắc Ninh, Thái Nguyên... nên nhận thấy đất nước mình cũng rộng lớn nhưng chắc không bằng Trung Quốc”*.

Trong khi đó, những người làm cán bộ thôn hoặc lãnh đạo xã hiện nay ở tất cả các tộc người và địa bàn đều có mức độ nhận biết về lãnh thổ Việt Nam khá cụ thể, sâu rộng hơn. Một mặt, do là cán bộ địa phương thuộc khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, nơi từng diễn ra chiến sự chống lại quân bành trướng Trung Quốc nên ngoài kiến thức học được ở nhà trường và trong quá trình nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, họ còn được các cơ quan chức năng thường xuyên trang bị thêm nhiều kiến thức về đất nước và con người Việt Nam trong bối cảnh mới, kể cả những vấn đề liên quan tới mối quan hệ của Việt Nam với các quốc gia láng giềng. Mặt khác, trong hoạt động thực tiễn chỉ đạo người dân trên các lĩnh vực liên quan tới nhiệm vụ được phân công, họ còn phải thường xuyên nghiên cứu, tìm hiểu và cập nhật những kiến thức phục vụ công tác chuyên môn như chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương cũng như khu vực biên giới, các vấn đề về an ninh quốc phòng trên đất liền và biển đảo của Việt Nam,... Vì thế, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, nhận thức chung về lãnh thổ Việt Nam của những người làm cán bộ này dần trở nên toàn diện và vững vàng hơn nhiều so với lớp người lớn tuổi. Khi những người cán bộ địa phương, nhất là cán bộ ở khu vực biên giới có nhận thức sâu rộng và vững vàng về lãnh thổ Việt Nam thì sẽ có điều kiện phổ biến, tuyên truyền cho người dân, làm cho kiến thức về vấn đề này của người dân cũng được nâng lên.

Nhận thức của những người đã hoặc đang làm cán bộ địa phương ở vùng biên giới về lãnh thổ quốc gia Việt Nam còn được nâng cao qua hoạt động thực tiễn. Khi được phỏng vấn, ông Vàng Văn L, sinh năm 1981, người Hmông đang là cán bộ xã Lao Chải cho biết: *“Về đất nước, lãnh thổ và con người Việt Nam, tôi đã được đi thăm quan ở Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Huế... và thường xuyên theo dõi chương trình thời sự trên tivi, đọc báo về tình hình đất nước, về*

*biển đảo của Tổ quốc*”. Còn ông Vàng Di Th, sinh năm 1954, người Lô Lô, nguyên là cán bộ thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú cho biết: *“Tôi đã từng đến thăm quan một số thành phố lớn của nước ta như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, nhà máy thủy điện Hòa Bình... và nhận thấy rằng đất nước ta rộng lớn, giàu đẹp, có biển rộng và nhiều con sông lớn, nhiều rừng và nhiều loại gỗ quý...”*. Trong khi, ông Nguyễn Công D, người Tày ở thôn Thanh Sơn, xã Thanh Thủy, đang là cán bộ xã Thanh Thủy, không chỉ được đi thăm quan một vài nơi trong nước, mà còn là người đầu tiên phát triển kinh tế gắn với du lịch trải nghiệm nơi đây. Ông D cũng là người trong thôn Thanh Sơn đi đầu trong việc cải tạo nhà ở của gia đình thành homestay để cho du khách ăn, nghỉ và trải nghiệm cuộc sống, văn hóa của người Tày địa phương. Nhờ mô hình này, ông D vừa góp phần cùng bà con các tộc người Tày, Nùng, Dao nơi đây đem lại cuộc sống ấm no cho vùng đất Thanh Thủy từng bị đảo lộn vì bom đạn của Trung Quốc. Homestay của ông và bà con trong bản cũng là nơi nghỉ chân cho các đoàn cựu chiến binh, thương binh trên khắp đất nước đến thăm chiến trường xưa và tưởng niệm những người đồng đội đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến khốc liệt bảo vệ đường biên giới, chống quân bành trướng Trung Quốc. Khoảng 5 - 6 năm nay, trong quá trình phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương, sự có mặt ngày càng đông của du khách, cựu chiến binh từ khắp mọi miền đất nước đã giúp cho người Tày ở thôn Thanh Sơn cũng như người dân các tộc người Nùng, Dao, Hmông... ở xã Thanh Thủy và các xã biên giới thuộc huyện Vị Xuyên có thêm hiểu biết về đất nước và con người Việt Nam, càng thấm thía về những sự hy sinh xương máu, mất mát của thế hệ cha anh trong cuộc chiến chống lại quân bành trướng Trung Quốc để bảo vệ từng tấc đất nơi biên cương của Tổ quốc, đảm bảo giữ vững chủ quyền lãnh thổ đất nước ta.

### **3. Nhận thức một số yếu tố cơ bản về dân cư, dân số, dân tộc tại địa phương và Việt Nam**

Kết quả khảo sát cho thấy, nhận thức dưới dạng hiểu biết về đặc điểm dân cư, dân số của người dân các tộc người Hmông, Tày, Nùng, Lô Lô tại các điểm nghiên cứu thường có những mức độ nhất định, tùy theo trình độ học vấn, nghề nghiệp chuyên môn của từng người. Cụ thể, khi được hỏi, phần nhiều những người dân lao động bình thường trong lứa tuổi từ trung niên trở lên, đặc biệt là người Hmông ở xã Lao Chải, không am hiểu lắm về thuật ngữ “dân cư”, “dân tộc” bằng tiếng Việt, mà phải thông qua giải thích hoặc nhờ người thông thạo dịch ra tiếng địa phương thì họ mới hiểu và trả lời đúng nội dung câu hỏi của người phỏng vấn. Chẳng hạn như ông Vàng A T, sinh năm 1961, người Hmông ở Bản Phùng thuộc xã Lao Chải, tuy có trình độ lớp 2/10 nhưng hầu như chưa hiểu khi nói đến “dân cư”, “dân số” bằng tiếng phổ thông, sau khi được người trong thôn giải thích cụ thể bằng tiếng Hmông kết hợp lấy ví dụ ở thôn Bản Phùng và xã Lao Chải thì ông T mới hiểu rồi nói: *“Dân cư ở Việt Nam có nhiều dân tộc lắm, còn số dân nước ta hiện nay thì nghe các cháu nói là có khoảng 100 triệu người...”*. Trong khi, bà Nông Thị T, sinh năm 1966, người Nùng ở thôn Nà Sắt xã Thanh Thủy, có trình độ học vấn lớp 4/10 lại am hiểu hơn khi hỏi về dân cư, dân số bằng tiếng Việt. Theo bà T: *“dân cư ở Việt Nam có cùng màu da với người Trung Quốc ở bên kia biên giới, dân cư Việt Nam có từ lâu đời và ở xã Thanh Thủy cũng vậy; dân số thì*

nghe nói nước ta hiện tại có gần 100 triệu nên ít hơn nhiều so với tổng số dân của Trung Quốc, riêng thôn Nà Sát hiện nay có gần 300 người”. Riêng người Lô Lô ở xã Lũng Cú, do những người trên 60 tuổi không nhiều (Tuổi thọ của người Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú còn khá thấp, trong thôn hiện nay rất hiếm người ngoài 70 tuổi), nên nhiều người trung niên khi được phỏng vấn và thảo luận nhóm đều nhận thức được rằng dân cư ở nước ta có nhiều dân tộc và dân số có khoảng 100 triệu người,... Đặc biệt, khi được hỏi tại sao ông/bà lại biết nước ta có nhiều dân tộc với dân số hiện nay khoảng 100 triệu người, phần lớn người dân có tuổi ở cả 4 tộc người đều trả lời rằng do họ chủ yếu xem tivi và nghe các cháu kể lại. Có thể nói, tình trạng này đã phản ánh khá rõ nét mức độ hiểu biết, nhận thức trong bối cảnh bùng nổ thông tin truyền thông hiện nay của người dân các tộc người Tày, Nùng, Hmông, Lô Lô thuộc lớp tuổi từ trung niên đến cao tuổi tại các điểm nghiên cứu về đặc điểm dân cư, dân số của Việt Nam và trên địa bàn thôn, xã.

So với lớp người trung tuổi và cao niên, lớp trẻ từ 18 tuổi đến 35 tuổi ở các tộc người đã được nghiên cứu, nhất là hai tộc người Tày và Nùng, có sự hiểu biết nhiều hơn về các vấn đề liên quan tới đặc điểm dân cư, dân số trên lãnh thổ Việt Nam và ở địa phương. Bởi vì phần lớn trong số họ đều tốt nghiệp trung học cơ sở (đối với người Hmông và người Lô Lô) hoặc trung học phổ thông (đối với hai tộc người Tày và Nùng). Đặc biệt, người Nùng ở thôn Nà Sát xã Thanh Thủy hiện nay tuy chỉ 61 hộ với gần 300 nhân khẩu nhưng tính đến năm 2021 đã có tới 18 người học xong bậc đại học và 1 người đang học đại học; người Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải xã Lũng Cú với 96 hộ nhưng hiện nay có 23 người tốt nghiệp đại học. Vì thế, hầu hết những người thuộc lớp trẻ đều trả lời được ở mức độ khác nhau câu hỏi về đặc điểm dân cư Việt Nam. Chẳng hạn như anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990, người Tày ở thôn Thanh Sơn thuộc xã Thanh Thủy đã kể về một số đặc điểm là: dân cư ở nước ta phân bố không đều giữa vùng cao và vùng thấp, thành thị và nông thôn... nên mức sống mỗi nơi khác nhau, dân trí cũng không đều; trong dân cư Việt Nam có nhiều dân tộc nên dẫn đến khác biệt về phong tục tập quán;... Anh Giàng Seo L, sinh năm 1991, người Hmông ở thôn Ngòi Là Thầu thuộc xã Lao Chải cũng nói được những con số mang tính tổng quát rằng: “*dân số nước ta có gần 100 triệu người nhưng phân bố không đều ở vùng miền núi và miền xuôi. So với Trung Quốc thì dân số nước ta rất ít. Riêng ở thôn này có 65 hộ khoảng 300 người, còn ở xã Lao Chải thì nghe nói có khoảng trên 2.000 người...*”.

Khi đề cập tới những hiểu biết về dân tộc - tộc người gắn với tinh thần đoàn kết toàn dân tộc thì hầu hết cán bộ và người dân được hỏi đều thể hiện sự quan tâm về lĩnh vực này. Chẳng hạn, khi được hỏi về thành phần dân tộc trong nước và trên địa bàn xã, đại đa số những người Hmông, Tày, Nùng ở hai xã Lao Chải và Thanh Thủy huyện Vị Xuyên đều có thể kể rõ ràng tộc danh các tộc người ở trên địa bàn họ đang sinh sống là thôn và xã, rồi đến những tộc người ở các xã, huyện xung quanh thuộc tỉnh Hà Giang,... Trong khi đó, không ít người lớn tuổi ở cả 4 tộc người còn biết thêm một vài dân tộc ở tỉnh Tuyên Quang do họ đã từng sơ tán về một số nơi trong tỉnh Hà Tuyên cũ có giáp ranh với các tỉnh Cao Bằng, Lào

Cai, Yên Bái, Thái Nguyên. Thế hệ thanh niên hiện nay cũng có thể kể tên các tộc người hiện có trong thôn và xã, rồi mở rộng ra địa bàn huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang và các tỉnh thành khác mà họ biết đến. Thậm chí, có người còn kể về tộc người Sán Chay ở Bắc Giang hay Sán Diu ở Thái Nguyên do họ đã từng đến đó làm công nhân và cùng làm việc với đồng nghiệp là những tộc người này. Không ít người Hmông ở xã Phú Lũng huyện Yên Minh hay người Lô Lô tại xã Lũng Cú huyện Đồng Văn có thể kể đếm được khoảng 25 - 35 tộc người ở Việt Nam. Đặc biệt là người dân Lô Lô ở xã Lũng Cú, nơi gần đây phát triển mạnh du lịch cộng đồng nên một số người còn biết về một số tộc người như Bru-Vân Kiều hay Chăm ở miền Trung, Gia-rai ở Tây Nguyên hoặc Kơ-me ở Nam Bộ.

Tình hình trên phản ánh rằng, trong cuộc sống hàng ngày tại quê nhà, người dân mỗi tộc người nơi đây đều thường xuyên gặp một số tộc người khác nhau tại thôn, xã hay ngoài chợ,... Hiện tại ở các xã được nghiên cứu đều có nhiều tộc người cùng cư trú, trong đó nếu không phải là người địa phương thì chủ yếu từ nơi khác đến làm dâu, rể, công tác hay buôn bán hàng hóa. Tuy nhiên, khi hỏi về tổng số tộc người ở nước ta hiện nay, hay ở tỉnh Hà Giang thì rất ít người ở cả 4 tộc người nắm được con số chính xác là Việt Nam có 54 dân tộc. Thậm chí một số cán bộ xã cũng chưa nắm được tổng số các dân tộc ở tỉnh Hà Giang là 18. Qua đây có thể thấy, nhận thức của người dân tại các điểm nghiên cứu đều khá tốt, mang tính thực tiễn, cụ thể đối với những dân tộc mà họ từng gặp, được nhìn thấy hoặc biết đến thông qua tivi, mạng xã hội, sách, báo, đài,... Tuy nhiên, trong khi con số 54 dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam ăn sâu vào tiềm thức của đại đa số người dân trong nước, việc ít người dân khu vực biên giới nhận thức được điều đó cho thấy còn có những hạn chế trong công tác giáo dục và truyền thông về đại đoàn kết dân tộc ở vùng biên và vùng dân tộc thiểu số.

Đáng lưu ý, tuy đồng bào các tộc người được nghiên cứu đều biết có nhiều dân tộc ở Việt Nam và tại địa phương nhưng nguyện vọng đại đa số những người được hỏi đều muốn kết hôn hoặc cho con cái kết hôn với người đồng tộc. Kết quả điều tra phiếu hỏi có tới 86,7% muốn kết hôn với người cùng dân tộc, 10,6% thích kết hôn với dân tộc thiểu số khác và 2,7% muốn kết hôn với người Kinh (xem bảng 1).

**Bảng 1. Tỷ lệ người được hỏi có mong muốn kết hôn hoặc cho con cái kết hôn với người đồng tộc và khác tộc (%)**

Đối tượng mong muốn kết hôn	Tộc người Hmông	Tộc người Tày	Tộc người Nùng	Tộc người Lô Lô	Tổng hợp số liệu 4 tộc người
Người cùng dân tộc	96,8	91,4	68,3	79,2	86,7
Người dân tộc thiểu số khác	2,4	6,2	25	18,1	10,6
Người Kinh	0,8	2,5	6,7	2,8	2,7

*Nguồn:* Kết quả điều tra bằng bảng hỏi của đề tài năm 2021 - 2022

Cùng với số liệu ở Bảng 1, kết quả phỏng vấn và thảo luận nhóm cũng cho thấy đa phần người được hỏi muốn kết hôn với người đồng tộc để hai vợ chồng dễ hòa nhập hơn do cùng ngôn ngữ, phong tục tập quán. Bên cạnh đó, có người còn cho rằng trong bối cảnh tăng cường giao lưu, hội nhập hiện nay, nếu kết hôn với người cùng dân tộc sẽ có điều kiện gìn giữ văn hóa tộc người. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là cách ứng xử và quan hệ của đồng bào mỗi tộc người đối với các tộc người khác nhau cùng chung sống trong thôn, xã... mới đáng quan tâm thực sự. Kết quả quan sát, phỏng vấn tại thực địa cho thấy, người dân ở mọi lứa tuổi của các tộc người Hmông, Tày, Nùng, Lô Lô tại điểm nghiên cứu hiện nay đều đảm bảo sự đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần cùng hiểu biết, tôn trọng những yếu tố khác biệt trong văn hóa của mỗi tộc người. Có được điều đó chủ yếu là do quá trình cộng cư lâu đời của các tộc người nơi đây. Đặc biệt họ cùng phải trải qua cú sốc, nỗi đau thương, mất mát trong cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979 chống lại quân bành trướng Trung Quốc, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam.

#### **4. Nhận thức về những khác biệt liên quan tới lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc**

Sự hiểu biết về những khác biệt cơ bản liên quan tới lãnh thổ nước ta trong so sánh với các quốc gia láng giềng hay trong khu vực cũng là yếu tố quan trọng, không chỉ giúp ích cho việc đánh giá mức độ nhận thức của công dân Việt Nam về lãnh thổ quốc gia - dân tộc, mà còn phản ánh được sự mong muốn tìm hiểu với tấm lòng tự hào của người dân đối với chủ quyền quốc gia. Trên cơ sở cách tiếp cận này, có thể đánh giá kiến thức về lãnh thổ Việt Nam của người dân các tộc người Tày, Nùng, Hmông, Lô Lô... tại các điểm nghiên cứu thông qua sự hiểu biết của họ về một vài điểm khác biệt cơ bản như vị trí địa lý, diện tích đất đai, dân số, dân tộc... giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc.

Qua phân tích các tư liệu cho thấy, khi được hỏi, hầu hết người dân bất kể tộc người Hmông, Tày, Nùng hay Lô Lô đều khẳng định Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia khác nhau về nhiều mặt. Cụ thể, qua số liệu phiếu điều tra có tới 72,4% người được hỏi cho rằng hai nước khác nhau, chỉ 5,3% cho là không có sự khác biệt, số còn lại 22,3% trả lời là không biết. Trong đó, có tới 64% số người được hỏi cho rằng giữa Việt Nam và Trung Quốc khác biệt về diện tích đất đai; 50,4% khẳng định có sự khác nhau về dân số; 53,7% cho rằng hai nước có khác nhau về văn hóa phong tục. Bên cạnh đó, có 75,6% người được điều tra phiếu hỏi cho rằng có sự khác nhau giữa Việt Nam và Trung Quốc về điều kiện kinh tế, bởi vì không ít người dân Việt Nam thường sang Trung Quốc làm ăn và nhận thấy ở Trung Quốc đời sống kinh tế cao hơn so với quê hương ở Việt Nam. Tuy nhiên, khi trả lời câu hỏi ông/bà thích sống ở Việt Nam hay Trung Quốc, có tới 97,9% người được hỏi trả lời là muốn sinh sống ở Việt Nam ngay trên quê hương mình, chỉ 0,3% thích sống ở Trung Quốc (xem Bảng 2). Có tới 95,2% người được hỏi tin tưởng rằng trong tương lai Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển và cuộc sống sẽ có nhiều tốt đẹp hơn hiện nay.

**Bảng 2. Tỷ lệ người được hỏi biết về sự khác biệt giữa Việt Nam và Trung Quốc (%)**

Câu hỏi		Tộc người Hmông	Tộc người Tày	Tộc người Nùng	Tộc người Lô Lô	Tổng hợp số liệu 4 tộc người
Theo ông/bà Việt Nam có sự khác biệt với Trung Quốc?	Có	56	78,8	80	87,5	72,4
	Không	9,6	1,3	3,3	4,2	5,3
	Không biết	34,4	20	16,7	8,3	22,3
Việt Nam và Trung Quốc có sự khác biệt về diện tích đất đai?	Có	69	62,5	52,1	69,8	64,2
	Không	31	37,5	47,9	30,2	35,8
Việt Nam và Trung Quốc có sự khác biệt về số dân?	Có	46,5	45,3	37,5	69,8	50,4
	Không	53,5	54,7	62,5	30,2	49,6
Việt Nam và Trung Quốc có khác biệt về các dân tộc trong nước?	Có	11,3	4,7	2,1	7,9	6,9
	Không	88,7	95,3	97,9	92,1	93,1
Ông/bà thích sống ở Việt Nam hay ở Trung Quốc?	Có	95,2	98,8	95,1	100	97,9
	Không	0,8	1,2	4,9	0	0,3

*Nguồn:* Kết quả điều tra bảng hỏi của đề tài năm 2021 - 2022

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, người dân các tộc người được nghiên cứu đều cho rằng, Việt Nam và Trung Quốc là hai nước khác biệt, khác nhau về diện tích tự nhiên và dân số. Riêng về dân tộc, do câu hỏi tập trung vào sự khác nhau về phong tục tập quán nên câu trả lời thu được là 93,1% cho rằng các tộc người ở hai biên giới cơ bản giống nhau về phong tục tập quán.

Trong khi đó, kết quả phỏng vấn cho thấy hầu hết những người được hỏi đều cho rằng Việt Nam và Trung Quốc rất khác nhau về nhiều mặt như tiếng nói, chữ viết, tên gọi đơn vị hành chính các cấp, kể cả số dân tộc trong mỗi nước. Song, cũng nhận thấy rằng, có sự khác biệt nhất định về mức độ hiểu biết, tùy thuộc vào trình độ học vấn, công việc của mỗi người. Chẳng hạn, ông Lý Hồ G, sinh năm 1948, người Hmông ở thôn Lùng Chu Phùng thuộc xã Lao Chải, chỉ mới học lớp xóa mù chữ tại địa phương và quanh năm làm nông nghiệp nhưng trước năm 1979 đã nhiều lần đi qua lại sang bên kia biên giới nên cho rằng: Trung Quốc có dân số đông hơn ở Việt Nam; tiếng nói của người Trung Quốc rất khác với tiếng Kinh, chỉ

người Hmông và người Dao ở bên đó nói gần giống với tiếng Hmông, tiếng Dao ở Việt Nam; về vị trí địa lý thì Việt Nam nằm ở phía Nam, còn Bắc là Trung Quốc, do đó Trung Quốc có thời tiết mùa đông lạnh hơn so với quê nhà của ông là xã Lao Chải huyện Vị Xuyên; nếu nhìn ở trên cột mốc biên giới ở cách thôn không xa thì chữ viết của Trung Quốc cũng khác với chữ quốc ngữ của Việt Nam,...

Trong khi ông Vàng A T, sinh năm 1961, người Hmông ở Bản Phùng, xã Lao Chải, cũng chỉ học xong lớp xóa mù nhưng vì chưa sang bên kia biên giới bao giờ nên chỉ nghe các cụ già kể lại là bên Trung Quốc có đất đai khá bằng phẳng, có người Hmông và người Dao, người Nùng và họ đều biết nói tiếng Hán, không biết nói tiếng Kinh. Còn ông Vàng Dì Th, sinh năm 1954, người Lô Lô ở xã Lũng Cú cũng cho rằng, diện tích đất đai của Trung Quốc lớn hơn Việt Nam và Trung Quốc có nhiều dân tộc hơn Việt Nam, nhưng nếu cùng dân tộc như người Lô Lô ở đây với người Lô Lô ở Trung Quốc thì giống nhau về phong tục tập quán, kể cả ăn mặc, ăn cơm mới, thờ cúng dịp tết lễ,...

Phân tích tư liệu khảo sát tại thực địa cho thấy, những người lớn tuổi tại các điểm nghiên cứu tuy quanh năm làm nông nghiệp tại thôn/bản nhưng đều nhận thức rằng, Việt Nam và Trung Quốc là hai nước khác nhau, tiếng Trung Quốc tức tiếng Hán hoàn toàn khác với tiếng Kinh, chỉ người đồng tộc Hmông hoặc Dao là có tiếng nói gần giống nhau. Trong khi, những người lớn tuổi đã từng tham gia công tác xã hội lại có sự hiểu biết rộng hơn về lãnh thổ Việt Nam và Trung Quốc thông qua một số khác biệt cơ bản như diện tích đất đai, dân số, dân tộc. Hơn nữa, lớp người trung niên và lớn tuổi của các tộc người Tày, Nùng, Lô Lô có sự am hiểu về vấn đề này hơn so với người Hmông cùng thế hệ. Bởi khi được hỏi, ông Lù Xia C, sinh năm 1960, người Nùng ở thôn Nà Sát, xã Thanh Thủy cho biết: *“Việt Nam và Trung Quốc có chung đường biên giới nhưng là hai nước khác nhau. Trung Quốc tuy có đất đai rộng hơn nhưng rất đông dân nên năm 1979 mới gây ra chiến tranh với Việt Nam nhằm xâm chiếm, lấy đất đai của Việt Nam. Ở bên kia biên giới của Trung Quốc có các dân tộc Choang, Dao, Hmông... nhưng khi họ nói tiếng Hán thì người Việt Nam không hiểu họ nói gì...”*. Hay ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967, người Tày ở thôn Thanh Sơn thuộc xã Thanh Thủy lại cho rằng, Việt Nam và Trung Quốc là hai nước khác nhau, Việt Nam nằm ở bán đảo Đông Dương, Trung Quốc nằm ở đông bắc châu Á; do có diện tích đất đai rộng lớn nên Trung Quốc có tổng dân số hơn một tỷ người, còn ở Việt Nam chưa đến 100 triệu dân; nghe kể lại rằng người ở bên Trung Quốc cũng nói nhiều thứ tiếng nhưng người Tày ở xã Thanh Thủy này không biết tiếng Trung Quốc và tiếng Choang ở bên kia đường biên giới nên hầu hết người Tày ở đây không ai sang Trung Quốc buôn bán, làm ăn, sợ bị lừa tiền công, gặp rủi ro nếu bị bắt,...

Khác với thế hệ cao niên, lớp trẻ sinh ra trong các thập niên 1980 - 1990 đều hiểu biết khá rõ ràng về những khác biệt cơ bản liên quan tới lãnh thổ của hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Một mặt, kiến thức đó họ có được khi còn đi học phổ thông, mặt khác họ có

điều kiện cập nhật nhiều thông tin qua mạng internet hiện nay. Phần lớn thế hệ trẻ các tộc người ở khu vực biên giới hiện nay đều có điều kiện sử dụng điện thoại thông minh nên họ có nhiều cơ hội tìm hiểu một cách cụ thể và nhanh chóng về đất nước Việt Nam, Trung Quốc và các quốc gia trong khu vực cũng như trên thế giới thông qua các tính năng tìm kiếm trên công cụ Google. *“Chúng cháu hiện nay rất thuận lợi trong việc tìm hiểu về lãnh thổ và các vùng miền, địa phương của đất nước Việt Nam và các quốc gia khác, nhất là những quốc gia láng giềng như Trung Quốc, Lào... vì hầu như ai cũng có điện thoại thông minh để trao đổi qua Facebook, Zalo... hoặc dùng các tính năng tìm kiếm trên Google”* (phỏng vấn anh Giàng Seo L, sinh năm 1991, người Hmông ở thôn Ngòi Là Thầu, xã Lao Chải). Có thể nói, với lợi thế ngày càng gia tăng của công nghệ số và hầu hết các khu vực biên giới nước ta hiện nay đều được phủ sóng truyền thông nên thế hệ trẻ các tộc người mặc dù trình độ học vấn có thể chưa cao nhưng vẫn có điều kiện tìm hiểu về đặc điểm lãnh thổ của Việt Nam và Trung Quốc, những sự khác biệt về lãnh thổ giữa các nước trên thế giới.

### **Kết luận**

Ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người thiểu số, đặc biệt là các tộc người vùng biên giới là mối quan tâm lớn của các nhà nước và những người nghiên cứu về dân tộc, tộc người. Nghiên cứu này trình bày kết quả về một yếu tố trong ý thức quốc gia - dân tộc của người Tày, Nùng, Hmông, Lô Lô ở 4 xã khu vực biên giới thuộc tỉnh Hà Giang, trong đó có cả nhận thức về quốc gia bên kia biên giới. Kết quả cho thấy mặc dù có sự khác biệt về mức độ nhận thức giữa các thế hệ, người có học vấn và nghề nghiệp khác nhau, nhưng hầu hết người dân ở các điểm nghiên cứu đều có nhận thức đầy đủ về lãnh thổ biên giới quốc gia nơi họ đang sinh sống, đặc điểm dân cư, dân số của địa phương và phần nào về lãnh thổ quốc gia, dân số, các dân tộc... ở Việt Nam.

Do cư trú ở vùng biên giới, đồng bào chủ yếu làm nông nghiệp lại ít ra khỏi địa phương..., nên chỉ có thế hệ trẻ đã học xong trung học cơ sở hay trung học phổ thông, những người có sử dụng điện thoại thông minh và internet hay đã đi làm ăn xa ở các tỉnh, cùng cán bộ thôn, xã có nhận thức sâu rộng hơn về lãnh thổ và đặc điểm dân cư của quốc gia Việt Nam. Xu hướng chung là sự nhận thức của đồng bào sẽ ngày càng được thúc đẩy nhờ phát triển giáo dục; quá trình di cư lao động đi các tỉnh thành trong cả nước; sự giao lưu tiếp xúc với khách du lịch, với những người dân tộc khác đến công tác hay làm dâu, làm rể ở địa phương; và sự phổ biến của các phương tiện truyền thông, công nghệ thông tin.

Mặc dù còn ít người được hỏi nắm vững về cộng đồng 54 dân tộc ở Việt Nam và tâm lý chung của nhiều người vẫn muốn kết hôn đồng tộc, nhưng tinh thần đại đoàn kết dân tộc ở tất cả các điểm nghiên cứu đều được duy trì và ngày càng củng cố vững chắc. Bên cạnh đó, đa phần người dân cũng nhận thấy sự khác biệt về lãnh thổ, đất đai, dân số và dân tộc giữa Việt Nam và Trung Quốc ở bên kia biên giới. Sự khác biệt đó làm cho nhiều người không muốn tìm cách sang bên kia biên giới tìm việc làm. Càng ở những địa điểm diễn ra cuộc chiến tranh biên giới ác liệt do

Trung Quốc gây ra năm 1979-1989, các tộc người ở địa phương càng có ý thức cao về lãnh thổ và quốc gia dân tộc Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu này cũng cho thấy vai trò rất quan trọng của giáo dục và truyền thông ở vùng dân tộc thiểu số và vùng biên giới trong việc nâng cao nhận thức của người dân về lãnh thổ quốc gia nói riêng và trong xây dựng ý thức quốc gia – dân tộc của đồng bào các tộc người nói chung. Do vậy, chú trọng phát triển hai lĩnh vực này ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng biên giới đi cùng với việc đảm bảo đưa các chương trình giáo dục và tuyên truyền về cộng đồng quốc gia - dân tộc một cách hiệu quả là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

1. Vũ Dũng (2009), *Tâm lý học dân tộc*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
2. Scott, James (2009), *The Art of Being not Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*, Yale University.
3. Lý Hành Sơn (2019), “Ý thức tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2019), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lý Hành Sơn (2019), “Khái quát về khái niệm và nghiên cứu ý thức tộc người ở nước ta từ góc nhìn dân tộc học” trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2018), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 67-83.
5. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2018), *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Vương Xuân Tình (2019), *Cộng đồng kiến tạo: Tộc người với quốc gia - dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Vương Xuân Tình, Lê Minh Anh (2021) “Nghiên cứu quan hệ dân tộc: Một số vấn đề lý luận từ góc nhìn về ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người vùng biên giới”, trong Viện Dân tộc học: *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 83-115.